

Quyết định giám đốc thẩm

Số: 23/2024/DS-GĐT

Ngày 09-5-2024

V/v: “*Tranh chấp chia thừa kế*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**ỦY BAN THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

***- Thành phần Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng
gồm:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Minh Tuấn.

Các Thẩm phán: Ông Lê Tụ và Ông Vũ Thanh Liêm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hằng -Thẩm tra viên chính.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
ông Đỗ Xuân Ân- Kiểm sát viên.

Ngày 09-5-2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án: “*Tranh chấp chia thừa kế*”, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* ông Nguyễn Văn Á, sinh năm 1979;

- *Bị đơn:* ông Nguyễn Hữu P, sinh năm 1956;

Cùng địa chỉ: tổ D, khu V, phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1964; địa chỉ: tổ I, khu V, phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

2. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1968; địa chỉ: tổ A, khu V, phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

3. Ông Nguyễn Văn H1 sinh năm 1971; địa chỉ: tổ E, khu V, phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

4. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1974; địa chỉ: tổ D, khu V, phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

5. Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1982;

6. Cụ Nguyễn Thị C, sinh năm 1936;

7. Bà Nguyễn Thị Thanh T2, sinh năm 1978;
 8. Anh Nguyễn Hoàng K, sinh năm 2002;
 9. Anh Nguyễn Hoàng K1, sinh năm 2006;
- Cùng địa chỉ: tổ D, khu V, phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định.
10. Trung tâm phát triển quỹ đất - Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn ông Nguyễn Văn Á trình bày:

Cha mẹ Ông là cụ Nguyễn Huỳnh c năm 2014, cụ Nguyễn Thị C1 chết năm 2007, trước khi chết cụ C1 không để lại di chúc, hai cụ sinh được 07 người con gồm ông Nguyễn Hữu P, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn H1, ông Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị T1 và ông là Nguyễn Văn Á. Ngày 29/10/2009, cụ H2 có lập di chúc tại Phòng công chứng số A tỉnh Bình Định, để lại toàn bộ tài sản của cụ H2 cho Ông gồm:

Thửa đất 150, tờ bản đồ số 02 có diện tích 1.552m² đất trồng lúa.

Thửa đất số 16, tờ bản đồ số 4, diện tích 600m² nhưng thửa đất này đã được Nhà nước giao cho ông Lê Văn T3 sử dụng năm 2010 lúc cha Ông còn sống nên không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản là thửa đất này.

Thửa đất số 134, tờ bản đồ số 02, diện tích 400m² đất màu.

Thửa đất số 147, tờ bản đồ số 02, diện tích 815m² trong đó 200m² đất ở và 615m² đất vườn, (diện tích thực tế là 685,9m², giảm 129m² so với diện tích cấp quyền); trên đất có nhà cấp 4 do cụ H2, cụ C1 xây dựng năm 1964.

Hiện Nhà nước đã giải tỏa thửa đất 150, tờ bản đồ số 02, diện tích 1.552m² đất trồng lúa; thửa đất số 134, tờ bản đồ số 02, diện tích 400m²; đối với thửa đất số 147, tờ bản đồ số 02, diện tích 815m² (trong đó có 200m² đất ở và 615m² đất vườn), giải tỏa 1 phần diện tích đất vườn thừa là 97,26m², sau giải tỏa chỉ còn lại 200m² đất ở và 388,64m² đất vườn.

Khi giải tỏa Nhà nước đền bù và hỗ trợ tổng cộng 1.689.688.240 đồng, gồm các khoản như sau:

Tiền đền bù là 1.089.678.840 đồng.

Tiền hỗ trợ tổng cộng 600.009.400 đồng gồm các khoản sau:

Tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề cho 04 người trực tiếp canh tác 03 thửa đất trên gồm: Nguyễn Văn Á, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị T1 là 517.304.400 đồng.

Tiền hỗ trợ ổn định đời sống trong 12 tháng cho 13 nhân khẩu là 63.648.000 đồng.

Tiền đền bù cho ông Nguyễn Văn H1 có tài sản trên đất như trụ bê tông, cây hoa

màu, rau xanh là 10.314.180 đồng.

Tiền đền bù tài sản trên đất của ông Nguyễn Văn Á gồm cây Sanh, lộc vừng, giếng đóng, cây vạn tuế, cỏ nuôi bò, móng đá chẻ hàm xử lý nước thải là 19.057.000 đồng.

Sau khi trừ các khoản hỗ trợ cho cá nhân người trực tiếp canh tác được hưởng và một số tài sản cây cối trên đất là: 600.009.400 đồng, còn lại 1.089.678.840 đồng, phần tài sản của cụ C1 thì chia thừa kế theo pháp luật, phần tài sản của cụ H2 thì chia theo di chúc của cụ H2 đã lập cho ông Á.

Đối với nhà và đất ở, đất vườn còn lại là tài sản của cụ H2 và cụ C1 nên không chia cho hộ gia đình mà yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với tài sản của cụ C1 và chia theo di chúc đối với tài sản của cụ H2 để lại cho ông Á. Phần tài sản của bà C1, ông xin nhận đất và thối tiền giá trị đất cho hàng thừa kế.

- Bị đơn ông Nguyễn Hữu P trình bày:

Ông thống nhất với nội dung trình bày về quan hệ huyết thống, thời gian cụ H2, cụ C1 chết, hàng thừa kế và tài sản cha mẹ để lại, tiền đền bù như ông Á trình bày là đúng. Nay ông Á yêu cầu chia thừa kế tài sản của cụ H2, cụ C1 để lại theo pháp luật Ông đồng ý.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn H1, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị T1, cụ Nguyễn Thị C2, bà Nguyễn Thị Thanh T2, anh Nguyễn Hoàng K, anh Nguyễn Hoàng K1 trình bày:

Thông nhất với nội dung trình bày về quan hệ huyết thống, thời gian cụ H2, cụ C1 chết, hàng thừa kế và tài sản người chết để lại, tiền đền bù như ông Á trình bày là đúng và thống nhất chia thừa kế theo yêu cầu của ông Á.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trung tâm Phát triển quỹ đất- Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B, đại diện theo ủy quyền ông Phạm Anh T4 trình bày:

Ông Nguyễn Văn Á1 là người đại diện cho hộ cụ Nguyễn Huỳnh kê k một số tài sản bị thu hồi đã được cấp quyền sử dụng đất cho hộ gia đình cụ H2 gồm: thửa đất số 55, tờ bản đồ số 03, diện tích 484,2m²; thửa đất số 54, tờ bản đồ số 03, diện tích 28,5m²; thửa đất số 124, tờ bản đồ số 03, diện tích 1.817,5m²; thửa đất số 72, tờ bản đồ số 03, diện tích 685,9m² (thu hồi 97,26m²) để thực hiện Dự án khu dân cư phía T đường T, khu vực 7-8, phường N, thành phố Q được tính toán bồi thường, hỗ trợ trong phương án đợt 5 và phương án đợt 8 với tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ được Ủy ban nhân dân tỉnh P1 tại Quyết định số 1374/QĐ-UBND ngày 14-4-2020; Quyết định số 3126/QĐ-UBND ngày, 31-7-2020 (bổ sung đợt 5); Quyết định số 1096/QĐ-UBND ngày 30-3-2021 với tổng số tiền là 1.689.688.000 đồng. Do gia đình ông Nguyễn Văn Á tranh chấp chia thừa kế tài sản, nên Trung tâm phát triển quỹ đất chưa có cơ sở chi trả tiền. Các con của ông Nguyễn Huỳnh

k1 chấp hành giao trả mặt bằng các thửa đất trên cho Trung tâm phát triển quỹ đất để hoàn thiện mặt bằng Dự án khu dân cư phía Tây đường T (với lý do chưa nhận tiền) nên Ủy ban nhân dân tỉnh đã giao Ủy ban nhân dân thành phố Q hoàn tất thủ tục pháp lý thu hồi đất theo quy định và để chủ động kinh phí trả tiền bồi thường khi hộ dân bị cưỡng chế thống nhất nhận số tiền 1.689.688.000 đồng nên số tiền trên đã được gửi vào tài khoản tiền gửi của Trung tâm phát triển quỹ đất tại Kho bạc Nhà nước tỉnh B tại văn bản số 32/TTPTQD- KHTC ngày 18-01-2022.

- Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 337/2022/DS-ST ngày 09-12-2022, Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu chia thừa kế theo di chúc và chia thừa kế theo pháp luật của ông Nguyễn Văn Á đối với tài sản do cụ Nguyễn H3 và cụ Nguyễn Thị C1 chết để lại.

2. Ông Nguyễn Văn Á được nhận nhà, đất ở và đất vườn tại thửa đất số 72 tờ bản đồ số 3, diện tích 588,64m²; trong đó có 200m² đất và 388,64m² đất vườn tọa lạc tại tổ D, khu V, phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

3. Ông Nguyễn Văn Á có nghĩa vụ thôi lại cho các thừa kế: ông Nguyễn Hữu P, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn H1, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị T1 mỗi người 72.338.834 đồng.

Mỗi người sẽ được nhận thêm tiền đền bù giải tỏa của cụ C1 và phần tiền cụ H3 được nhận từ cụ C1 là 68.401.255 đồng/người trong số tiền đền bù 1.689.688.000 đồng mà Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Bình Định đang quản lý.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí dân sự sơ thẩm, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 21-12-2022, ông Á kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm nêu trên.

Ngày 01-3-2023, ông Á2 có đơn xin rút yêu cầu kháng cáo.

Ngày 13-01-2023 và ngày 16-01-2023, ông P, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cụ C2, ông H1, bà T1, đại diện theo uỷ quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan của bà T là bà Nguyễn Thị C3 có đơn kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm nêu trên.

- Tại Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án quyết định sơ thẩm số 01/2023/QĐ-SCBSBA ngày 10-01-2023, Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn quyết định:

Sửa chữa, bổ sung Bản án số 337/2022/DS-ST ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn như sau:

Tại dòng số 13 tính trừ trên xuống của trang 1 đã ghi:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn Á, sinh năm 1979

Địa chỉ: Tổ D, KV H, P. N, TP.

Nay được sửa chữa, bổ sung như sau:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn Á, sinh năm 1979

Địa chỉ: Tổ D, KV H, P. N, TP .

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh Á: Luật sư Ngô Thế Q - Công ty LL, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh B.

- Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 96/2023/DS-PT ngày 20-7-2023, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định quyết định:

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với nội dung kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Hữu Á3, bị đơn ông Nguyễn Hữu P và người có có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T1.

2. Không chấp nhận kháng cáo của các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị C2, ông Nguyễn Văn H1 và đại diện theo uỷ quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T là bà Nguyễn Thị C3.

3. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 337/2022/DS-ST ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

4. Chấp nhận một phần yêu cầu chia thừa kế theo di chúc và một phần yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật của ông Nguyễn Văn Á4 đối với di sản của cụ Nguyễn H3 và cụ Nguyễn Thị C1.

5. Ông Nguyễn Văn Á được nhận nhà, đất ở và đất vườn tại thửa đất số 72 tờ bản đồ số 3, diện tích 588,64m² (trong đó có 200m² đất ở và 388,64m² đất vườn) tọa lạc tại T, khu vực 8, P. N, TP ., tỉnh Bình Định.

6. Ông Nguyễn Văn Á có nghĩa vụ thôi lại cho các thừa kế, cụ thể là: Ông Nguyễn Hữu P, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn H4, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị T1 mỗi người là 72.338.834 đồng (bảy mươi hai triệu ba trăm ba mươi tám nghìn tám trăm ba mươi bốn đồng).

7. Ông Nguyễn Văn Á, ông Nguyễn Hữu P, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn H1, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị T1 mỗi người sẽ, được nhận thêm tiền đền bù giải tỏa của cụ C1 và phần tiền cụ H3 được nhận từ cụ C1 là: 68.401.255 đồng (sáu mươi tám triệu bốn trăm lẻ một nghìn hai trăm năm mươi lăm đồng) trong số tiền đền bù: 1.689.688.00 đồng (một tỷ sáu trăm tám mươi chín triệu sáu trăm tám mươi chín nghìn đồng) hiện Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Bình Định đang quản lý.

Ngoài ra, Tòa án cấp phúc thẩm còn quyết định về án phí.

Ngày 05-12-2023, ông P, cụ C2, ông H1, bà C3 (bà C3 là người đại diện theo uỷ quyền của bà T) có đơn đề nghị kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm Bản án dân sự và Bản án phúc nêu trên.

- Tại Quyết định Kháng nghị giám đốc thẩm số 24/QĐ-VKS-DS ngày 14-3-2024, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng kháng nghị Bản án dân sự phúc thẩm số 96/2023/DS-PT ngày 20-7-2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định; đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử giám đốc thẩm, huỷ Bản án dân sự phúc thẩm nêu trên và Bản án dân sự sơ thẩm số 337/2022/DS-ST ngày 09-12-2022 của Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn xét xử sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

- Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử giám đốc thẩm chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Thửa đất số 150, tờ bản đồ số 02, diện tích 1.552m² đất trồng lúa; thửa đất số 134, tờ bản đồ số 02, diện tích 400m² đất màu (*02 thửa đất này Nhà nước đã thu hồi*) và Thửa đất số 147, tờ bản đồ số 02, diện tích 815m² (trong đó 200m² đất ở và 615m² đất vườn), tài sản gắn liền với đất là ngôi nhà cấp 4 xây dựng năm 1964 có nguồn gốc của cụ H3, cụ C1. Cụ H3, cụ C1 có 07 người con gồm ông Nguyễn Hữu P, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn H1, ông Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị T1 và ông Nguyễn Văn Á. Năm 2007, cụ C1 chết không để lại di chúc. Năm 2014, cụ H3 chết để lại di chúc định đoạt toàn bộ phần tài sản chung trong khối tài sản của vợ chồng cho ông Á. Riêng phần di sản cụ H3 được hưởng của cụ C1 không định đoạt.

[2]. Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc cấp xác định diện tích đất ở 200m² và ngôi nhà cấp 4 gắn liền với thửa đất số 147 là tài sản chung của cụ H3, cụ C1; diện tích đất nông nghiệp gồm đất vườn (thửa 147), đất lúa, đất màu là tài sản chung của 07 nhân khẩu nông nghiệp là cô Trần Thị D (mẹ cụ H3), cụ H3, cụ C1, bà L, bà T1, ông H1, ông Á; trong đó phần của cụ H3, cụ C1 mỗi người là 1/7 của diện tích đất vườn, đất màu, đất lúa. Do cụ C1 không để lại di chúc nên phần di sản của cụ C1 được chia đều cho cụ H3 và 07 người con của cụ H3, cụ C1. Đối với phần di sản của cụ H3, Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm công nhận di chúc của cụ H3 là hợp pháp, xác định ông Á được hưởng toàn bộ phần di sản của cụ H3. Đối với kỹ phần mà cụ Huỳnh nhận thừa kế từ cụ C1, do cụ H3 không định đoạt trong di chúc nên Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm chia đều cho 07 người con là có căn cứ. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm không chia bằng hiện vật cho các đồng thừa kế mà giao cho ông Á nhận toàn bộ hiện vật là diện tích 588,64m² đất, thửa đất số 147, tờ bản đồ số 02

là không phù hợp, không đảm bảo nguyên tắc phân chia tài sản chung và chia di sản thừa kế.

[3]. Đối với số tiền đền bù tổng là: 1.689.688.240 đồng, trong đó tiền đền bù đất 1.089.678.840 đồng; tiền hỗ trợ cho 04 người trực tiếp canh tác là 517.304.400 đồng (ông Á, ông H1, bà L, bà T1); tiền hỗ trợ ổn định đời sống trong 12 tháng cho 13 nhân khẩu là 63.648.000 đồng; tiền đền bù tài sản trên đất cho ông H1 là 10.314.180 đồng; tiền đền bù tài sản trên đất cho ông Á là 19.057.000 đồng. Lẽ ra khi chia thừa kế, Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm phải tách riêng tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề cho 04 người trực tiếp canh tác là 517.304.400 đồng; tiền hỗ trợ ổn định đời sống trong 12 tháng cho người 13 nhân khẩu là 63.648.000 đồng, tiền đền bù tài sản trên đất cho ông H1 là 10.314.180 đồng; tiền đền bù tài sản trên đất cho ông Á là 19.057.000 đồng. Sau khi tách các khoản nêu trên, số tiền đền bù còn lại là của cụ H3, cụ C1 mới chia cho các đồng thừa kế; nhưng Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm chỉ tách số tiền 109.465.080 đồng (*tiền hỗ trợ ổn định đời sống cho 13 nhân khẩu, tiền đền bù vật kiến trúc, hoa màu, tiền thưởng đẩy nhanh tiến độ*) từ đó xác định số tiền đền bù của cụ H3, cụ C1 mỗi người là $1.580.223.160 \text{ đồng} / 7 = 225.746.165 \text{ đồng}$ là không đúng. Đối với số tiền chênh lệch ông Á có nghĩa vụ bồi trả cho các đồng thừa kế: Theo kết quả định giá thì 200m^2 đất ở có trị giá 1.400.000.000 đồng, trong đó phần của cụ C1 là 700.000.000 đồng; phần của cụ H3 là 700.000.000 đồng; diện tích đất vườn $388,64\text{m}^2$ trị giá 57.818.720 đồng, mỗi nhân khẩu nông nghiệp là $57.818.720 \text{ đồng} / 2 = 28.909.360 \text{ đồng}$; nhà cấp 4 trị giá 102.435.000 đồng, trong đó phần của cụ C1, cụ H3 mỗi người là $102.435.000 \text{ đồng} / 2 = 51.217.500 \text{ đồng}$.

Như vậy, tổng số tiền nhà và đất tại thửa đất số 145, cụ H3, cụ C1 để lại là 1.559.953.720 đồng. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm buộc ông Á có nghĩa vụ bồi trả cho mỗi người thừa kế ($1.559.953.720 \text{ đ} - 1.125.920.714 \text{ đồng}$ (*ông Á được nhận theo di chúc của cụ H3*) $= 434.003.006 \text{ đồng} / 6 = 72.338.834 \text{ đồng}$) khi chưa trừ đi số tiền ông Á được nhận thừa kế của cụ C1 là không đúng, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông Á. Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm xác định không chia tài sản chung của hộ gia đình mà chỉ chia phần di sản do cụ H3, cụ C1 để lại nhưng lại giao cho ông Á sử dụng toàn bộ diện tích đất vườn $388,64\text{m}^2$ trong khi diện tích đất vườn là tài sản chung của 07 nhân khẩu nông nghiệp là mâu thuẫn. Hơn nữa, Tòa án không buộc ông Á bồi trả giá trị đất vườn thuộc phần sử dụng của 04 nhân khẩu nông nghiệp còn lại được cân đối trong hộ gia đình là cố D, ông H1, bà L, bà T1, mỗi người 8.216.960 đồng là không đúng.

[4]. Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử giám đốc thẩm thấy cần

chấp nhận Quyết định kháng nghị số 24/QĐ-VKS-DS ngày 14-3-2024 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, hủy toàn bộ Bản án dân sự phúc thẩm nêu trên và Bản án dân sự sơ thẩm số 337/2023/DS-ST ngày 09-12-2022 của Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn để giải quyết sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 337, khoản 3 Điều 343 và Điều 345, Điều 348, Điều 349 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

1. Chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 24/QĐ-VKS-DS ngày 14-3-2024 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

2. Hủy toàn bộ Bản án dân sự phúc thẩm số 96/2023/DS-PT ngày 20-7-2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định và Bản án dân sự sơ thẩm số 337/2023/DS-ST ngày 09-12-2022 của Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn;

3. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định để giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

4. Quyết định giám đốc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày Hội đồng giám đốc thẩm ra quyết định.

Nơi nhận:

- Viện trưởng VKSNDCC tại Đà Nẵng ;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định;
- Tòa án nhân dân thành phố Q;
- Chi cục THADS thành phố Q (để thi hành);
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: Phòng lưu trữ (VP); Phòng Giám đốc kiểm tra về DS-KDTM-LĐ và hồ sơ vụ án.

**TM. ỦY BAN THẨM PHÁN
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trương Minh Tuấn

